

BẢNG TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2016

(Kèm theo Kế hoạch số 834/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh)

Mã số đơn vị	Mã số chuyên ngành	Mã số dự thi	Mã số dự thi	Chỉ tiêu tuyển	Chức danh, vị trí việc làm	Trình độ, ngành (hoặc chuyên ngành) đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Ghi chú
1			2	3	4	5	6	7	8
I. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (23 chỉ tiêu)									
SNN	KL	1.1	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	2	Kiểm lâm viên, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng số 1, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.2	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	2	Kiểm lâm viên, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.3	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	3	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Tuyên Hóa, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường; Quản lý Tài nguyên thiên nhiên	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.4	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	2	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Quảng Trạch, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.5	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	2	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Ba Đồn, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.6	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	2	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.7	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	2	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.8	Kiểm lâm viên , loại C, mã ngạch: 10.226	3	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Lệ Thủy, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	KL	1.9	Kiểm lâm viên, loại C, mã ngạch: 10.226	1	Kiểm lâm viên, Phòng Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên ngành: Sinh học, chuyên ngành: Thực vật học	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	

SNN	CNTY	2.1	Kiểm dịch viên động vật, loại C, mã ngạch 09.316	1	Kiểm dịch viên động vật, làm việc tại Trạm Thú y Minh Hóa, Chi cục Thú y Quảng Bình	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Thú y	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Tuyển Nam
SNN	CNTY	2.2	Kiểm dịch viên động vật, Loại C, mã ngạch 09.316	1	Kiểm dịch viên động vật làm việc tại Trạm Thú y thị xã Ba Đồn, Chi cục Thú Y Quảng Bình	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Thú y	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
SNN	TC-KT	3.1	Kế toán viên, loại C, mã ngạch: 06.031	1	Kế toán Hạt Kiểm lâm Ba Đồn, Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
SNN	TTr	4.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu thanh tra về lĩnh vực thủy sản thuộc Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Khai thác thủy sản; Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
2. SỞ TÀI CHÍNH (01 chỉ tiêu)									
STC	TC-KT	3.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực quản lý tài chính về dự án, chủ trương đầu tư, thẩm định phê duyệt các dự án, Phòng Tài chính - Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
3. SỞ Y TẾ (03 chỉ tiêu)									
SYT	YT.D	5.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực dược, phòng Quản lý Dược, Sở Y tế	Đại học trở lên ngành Dược, chuyên ngành Tổ chức Quản lý Dược	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
SYT	YT.DS	6.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước lĩnh vực Dân số, kế hoạch hóa gia đình, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế.	Bác sĩ đa khoa	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
SYT	TC-KT	3.3	Kế toán viên, loại C, mã ngạch: 06.031	1	Kế toán tại Chi cục Dân số Kế hoạch hóa Gia đình, Sở Y tế	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành Kế toán	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
4. SỞ NGOẠI VỤ (01 chỉ tiêu)									
SNgV	NgV	7.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, Sở Ngoại vụ	Đại học trở lên, ngành Tiếng Anh	B trở lên	Đại học ngành Tiếng Anh	
5. SỞ CÔNG THƯƠNG (04 chỉ tiêu)									

SCT	QLTT	8.1	Kiểm soát viên thị trường: Loại C, mã ngạch: 21.189	3	Kiểm soát viên thị trường, theo dõi về kinh doanh thương nhân, Chi cục Quản lý thị trường, Sở Công thương.	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Quản trị kinh doanh	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
SCT	QLTT	8.2	Kiểm soát viên thị trường: Loại C, mã ngạch: 21.189	3	Kiểm soát viên thị trường, theo dõi về lĩnh vực thị trường tín dụng và tiền tệ, Chi cục Quản lý thị trường, Sở Công thương.	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Ngân hàng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
6. SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (01 chỉ tiêu)									
SLĐTBXH	CSLĐ	9.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực Chính sách lao động, Phòng Chính sách lao động, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Bảo hiểm xã hội; Quản trị nhân lực	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
7. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ (01 chỉ tiêu)									
BQLKKT	KHĐT	10.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu, tổng hợp về lĩnh vực đầu tư, xây dựng, quản lý nguồn vốn sự nghiệp, Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
8. THANH TRA TỈNH (01 chỉ tiêu)									
TTr	TTr	4.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên quản trị mạng cơ quan, tham mưu tổng hợp về giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Phòng Giám sát, kiểm tra, xử lý sau thanh tra, Thanh tra tỉnh	Đại học trở lên, ngành Tin học, chuyên ngành Công nghệ phần mềm		Anh A2 hoặc B, B1	
9. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (01 chỉ tiêu)									
TNMT	TTr	4.3	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu thanh tra chuyên ngành quản lý đất đai, Phòng Thanh tra, Sở Tài nguyên và Môi trường	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành Quản lý đất đai	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
10. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (01 chỉ tiêu)									
GTVT	TTr	4.4	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu thanh tra về lĩnh vực Giao thông vận tải, Sở Giao thông Vận tải	Đại học trở lên các ngành hoặc chuyên ngành: Giao thông Vận tải, Luật.	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
11. UBND HUYỆN BỐ TRẠCH (03 chỉ tiêu)									
BT	CNTT	11.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về thông tin và hạ tầng thông tin, Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Bố Trạch	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Điện tử viễn thông; Công nghệ thông tin		Anh A2 hoặc B, B1	

BT	TrgT	12.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Bồ Trách	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Trồng trọt; Khoa học cây trồng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
BT	XDGT	13.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về công trình giao thông, Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Bồ Trách	Đại học trở lên, ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình Giao thông	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
12. UBND HUYỆN LỆ THỦY (01 chỉ tiêu)									
LT	VTLT	14.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu công tác quản lý nhà nước về văn thư - lưu trữ, Phòng Nội vụ, UBND huyện Lệ Thủy	Đại học trở lên ngành Lưu trữ và quản trị văn phòng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
13. UBND HUYỆN QUẢNG NINH (02 chỉ tiêu)									
QN	QH-XD	15.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về công tác xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Quảng Ninh	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: xây dựng Cầu - Hầm; xây dựng cầu đường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QN	TC-KT	3.4	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu về Kế toán Ngân sách, lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Quảng Ninh	Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành Kế toán	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
14. UBND THỊ XÃ BA ĐỒN (08 chỉ tiêu)									
BĐ	QH-XD	15.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị, Phòng Quản lý đô thị, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên ngành Kiến trúc	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
BĐ	QH-XD	15.3	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
BĐ	YT.D	5.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực dược, Phòng Y tế, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành Dược	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
BĐ	ThL	16.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực Thủy lợi và phòng chống lụt bão, Phòng Kinh tế, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Xây dựng công trình Thủy; Thủy lợi	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	

BĐ	CNTT	11.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực Khoa học công nghệ, Phòng Kinh tế, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
BĐ	QLĐĐ	17.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	2	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về đất đai, Phòng Tài nguyên & Môi trường, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên, chuyên ngành Quản lý đất đai	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
BĐ	TP	18.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực chứng thực, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý tại Phòng Tư pháp, UBND thị xã Ba Đồn	Đại học trở lên, các ngành Luật	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
15. UBND HUYỆN QUẢNG TRẠCH (09 chỉ tiêu)									
QT	CNTT	11.3	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu tổng hợp và quản trị mạng tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QT	QH-XD	15.4	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu công tác quy hoạch và xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng công trình	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QT	DL	19.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về du lịch tại Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành Quản trị du lịch	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QT	YT.D	5.3	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực dược tại Phòng Y tế, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành Dược	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QT	YT.TP	20.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm tại Phòng Y tế, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, chuyên ngành Công nghệ thực phẩm	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QT	QLĐĐ	17.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực Tài nguyên, giải phóng mặt bằng,, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, chuyên ngành Quản lý đất đai	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
QT	TC-KT	3.5	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	2	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực Quản lý ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán; Tài chính ngân hàng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	

QT	CN	21.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Quảng Trạch	Đại học trở lên, ngành Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử, chuyên ngành: Điện tự động	Kỹ thuật viên	Anh A2 hoặc B, B1	
16. UBND HUYỆN MINH HÓA (03 chỉ tiêu)									
MH	TrgT	12.2	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực trồng trọt, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn UBND huyện Minh Hóa	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Khoa học đất; trồng trọt	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
MH	QH-XD	15.5	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu về Quản lý quy hoạch tại phòng Kinh tế hạ tầng, UBND huyện Minh Hóa	Đại học trở lên chuyên ngành: Kiến trúc	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
MH	QLĐĐ	17.3	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu Quản lý đất đai tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Minh Hóa	Đại học trở lên ngành: Quản lý đất đai	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
16. UBND HUYỆN TUYÊN HÓA (03 chỉ tiêu)									
TH	TTr	4.5	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	01	Chuyên viên tham mưu thanh tra về lĩnh vực xây dựng cơ bản, tại Thanh tra UBND huyện Tuyên Hóa	Đại học trở lên ngành (chuyên ngành): Xây dựng cầu đường	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
TH	TC-KT	3.6	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	01	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực Tài chính Hành chính sự nghiệp, tại phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Tuyên Hóa	Đại học trở lên, ngành (chuyên ngành): Kế toán; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính; Tài chính ngân hàng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
TH	YT.KCB	22.1	Chuyên viên, loại C, mã ngạch: 01.003	01	Chuyên viên tham mưu quản lý nhà nước về công tác khám chữa bệnh tại phòng Y tế, UBND huyện Tuyên Hóa	Bác sỹ đa khoa	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
17. KHỐI TỈNH ỦY (05 chỉ tiêu)									
TU	ĐTN	23.1	Chuyên viên; loại C; Mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu công tác giáo dục an ninh quốc phòng, văn hóa, văn nghệ, diễn đàn thanh niên Ban Tuyên giáo Tỉnh đoàn	Đại học ngành: Lịch sử; Ngữ văn; Mỹ thuật ứng dụng	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Có kỹ năng, năng khiếu hoạt động công tác đoàn, đội; không quá 29 tuổi

TU	ĐTN	23.2	Chuyên viên; loại C; Mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu công tác đoàn, phong trào thanh niên và công tác Văn phòng Đoàn thanh niên Khối Doanh nghiệp, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Tốt nghiệp đại học trở lên: các ngành về đoàn, đội; kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh; chuyên ngành điện - tự động hóa;	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Có kỹ năng, năng khiếu hoạt động công tác đoàn, đội; không quá 25 tuổi
TU	ĐTN	23.3	Chuyên viên; loại C; Mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu công tác đoàn, đội, Huyện đoàn huyện Lệ Thủy	Đại học trở lên	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	Có kỹ năng, năng khiếu hoạt động công tác đoàn, đội; không quá 25 tuổi
TU	MT	24.1	Chuyên viên; loại C; Mã ngạch: 01.003	1	Chuyên viên tham mưu của Ban Phong trào, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đại học trở lên: ngành hoặc chuyên ngành Công nghệ và kỹ thuật môi trường; các ngành về Kinh tế	B trở lên	Anh A2 hoặc B, B1	
Tổng cộng		Có 70 chỉ tiêu cần tuyển ở 56 vị trí việc làm							